TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HSST
Ngày: 28-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Đoàn – Giáo viên hưu trí huyện Cần Giuộc.

Ông Nguyễn Thanh An – Cán bộ hưu trí huyện Cần Giuộc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc: Ông Nguyễn Trần Hoàng Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST - HS ngày 15 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Nhựt T**, sinh ngày 03/8/2005.

Nơi thường trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Tấn D và bà Nguyễn Thị Mộng L; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: **Trần Tấn T1**, sinh ngày 26/3/2006.

Nơi thường trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T2 và bà Mai Thị Hồng C; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2023 cho đến ngày 06/01/2024 được tại ngoại cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Trần Tấn T1 có:

Ông Trần Minh T2, sinh năm: 1972 (có mặt).

Bà Mai Thị Hồng C, sinh năm: 1978 (có mặt).

Ông T2 và bà C là cha và mẹ của bị cáo T1.

Cùng cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bị hại: Nguyễn Tấn P, sinh năm: 2001 (có mặt).

Cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trần Minh T2, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người chứng kiến: Cao Văn P1, sinh năm: 1961 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 50 phút ngày 27/12/2023, Trần Tấn T1 điều khiển xe môtô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng-đen, biển số: 59N2-240.81 chở Lê Nhựt T trên đường T từ hướng ngã 4 Chợ Trạm về hướng cầu Thủ Bộ. Do cả hai đang cần tiền tiêu xài cá nhân nên T rủ T1 tìm người đi đường đang sử dụng điện thoại, giật bán lấy tiền tiêu xài, T1 đồng ý. Khi đi đến gần ngã 4 đường Đ và tỉnh lộ 830, cả hai thấy anh Nguyễn Tấn P là người giao hàng (S) đang điều khiển xe môtô hướng ngược lại, trên tay đang cầm điện thoại di động. T1 điều khiển xe môtô chở T vòng xe lại chạy theo sau anh P. Sau khi qua khỏi trường tiểu học L1 khoảng 4-5 m, cả hai dừng lại đợi anh P giao hàng đi ra, khoảng 2-3 phút sau anh P điều khiển xe theo đường Đ đi về hướng thị trấn C, T1 điều khiển xe môtô đuổi theo. Lúc này, T1 thấy anh P dừng xe môtô bên lề phải trên tay cầm điện thoại, T1 tăng ga điều khiển xe môtô áp sát xe anh P, T dùng tay trái ôm eo của T1 và dùng tay phải giật lấy điện thoại di động trên tay của anh P. Cả hai chạy về hướng thị trấn C, anh P điều khiển xe môtô truy đuổi theo và hô lớn "ăn cướp, ăn cướp". Cả hai bỏ chạy được khoảng 01 km đến đoạn đường thuộc Ấp D, xã L thì T làm rớt điện thoại của anh P xuống đường, T1 tiếp tục điều khiển xe môtô chở T qua khỏi đường Nguyễn Thị B do thắng gấp nên xe trượt ngã xuống lề đường. Sau khi nhặt điện thoại của mình, anh P tiếp tục điều khiển xe môtô đến nơi T và T1 té ngã và cùng một số người dân giữ T và T1 rồi gọi cho Công an. Khoảng 10 phút sau, Công an xã L đến tạm giữ cả 02 cùng xe môtô, biển số: 59N2-240.81 đưa về Công an xã làm việc. Qua làm việc, T và T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện C kết luận như sau: 01 (một) điện thoại di động, hiệu Redmi 9 (4GB/64GB), màu xanh-tím, còn nguyên vẹn đến thời điểm bị chiếm đoạt, có giá trị là 1.267.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSCG, ngày 15/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố hai bị cáo về tội *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lê Nhựt T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Trần Tấn T1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm 06 tháng.

Về tang vật: Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ và hoàn trả cho bị hại P 01 (một) điện thoại di động, hiệu Redmi 9 (4GB/64GB), màu xanh-tím, cùng sim số: 0386979363, do là tài sản hợp pháp của anh P, là phù hợp. Đối với 01 (một) xe môtô, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng-đen, biển số: 59N2- 240.81, do ông Trần Minh T2 chưa cung cấp được giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp, nên đề nghị giao cho Công an huyện C tiếp tục xác minh làm rõ theo thẩm quyền.

Hai bị cáo và người đại diện theo pháp luật cho bị cáo T1, bị hại không có ý kiến tranh luận. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Hai bị cáo nói lời nói sau cùng, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết

định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Lê Nhựt T, theo Giấy khai sinh số 152/2005, quyển số 01/2005, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Long An cấp bản sao ngày 20/9/2021 thể hiện sinh ngày 03/8/2005 và bị cáo bị cáo Trần Tấn T1, theo Giấy khai sinh số 143, quyển số 01/2006, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cấp bản sao ngày 21/7/2006 thể hiện sinh ngày 26/3/2006. Ngày 27/12/2023 hai bị cáo T và T1 thực hiện hành vi phạm tội, thì bị cáo T đã thành niên, trên 18 tuổi (18 tuổi, 04 tháng, 24 ngày), bị cáo T1 chưa thành niên, dưới 18 tuổi (17 tuổi, 09 tháng 01 ngày). Do đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho bị cáo T1, tuy nhiên bị cáo T1 và người đại diện theo pháp luật là ông Trần Minh T2, bà Mai Thị Hồng C là cha và mẹ bị cáo T1 trong quá trình điều tra *(bút lục số 87)* và tại phiên tòa đã từ chối người bào chữa theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Bị cáo Lê Nhựt T và Trần Tấn T1 là bạn ngoài xã hội. Vào khoảng 15 giờ 50 phút, ngày 27/12/2023, do không có tiền tiêu xài nên T đã rủ T1 giật điện thoại bán lấy tiền tiêu xài, T1 đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 40 cùng ngày tại Ấp A, xã L, huyện C, T và T1 đã thực hiện hành vi cướp giật 01 điện thoại di động, hiệu Redmi 9 (4GB/64GB) có giá trị là 1.267.000 đồng của anh Nguyễn Tấn P. Do đó hành vi của hai bị cáo đã phạm tội *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự.

[4] Việc hai bị cáo sử dụng xe mô tô phân khối lớn được xem là nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện hành vi cướp giật và điều khiển xe với tốc độ cao để nhanh chóng tẩu thoát có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe cho người bị hại đang điều khiển mô tô và những người tham gia giao thông trên đường, do đó thuộc trường hợp định khung hình phạt là *"Dùng thủ đoạn nguy hiểm"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Ngoài ra hai bị cáo cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự phân công cấu kết chặt chẽ, mang tích chất đồng phạm giản đơn, nên không xem xét đến tình tiết định khung tăng nặng là *"Phạm tội có tổ chức"* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của hai bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Hai bị cáo nhận thức được hành vi dùng xe mô tô áp sát để giật tài sản của người khác nhằm chiếm đoạt là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực

hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của hai bị cáo cần phải được xử phạt một cách thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Trong vụ án cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo khi lượng hình:

[6.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: bị cáo T1 phạm tội không có tình tiết tăng nặng, bị cáo T đã có hành vi xúi giục bị cáo T1 là người chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: hai bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại (sửa điện thoại cho anh P); phạm tội nhưng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị hại, anh P xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, tài sản chiếm đoạt có giá trị thấp, đây là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.3] Xét về nhân thân của hai bị cáo: cả hai bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo T1 khi phạm tội chưa thành niên.

[6.4] Trong vụ án cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội từng bị cáo. Cụ thể: bị cáo T là người rủ rê bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội, là người trực tiếp giật điện thoại của anh P. Bị cáo T1 là người điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô bị hại để bị cáo T giật điện thoại.

[7] Với những phân tích trên xét thấy hình phạt dành cho bị cáo T phải cao hơn và nghiêm khắc hơn bị cáo T1. Do hai bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nên quyết định hình phạt cho hai bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[8] Xét thấy, đối với bị cáo T cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Đối với bị cáo T1 phạm tội có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018, được sửa đổi bổ sung theo nội dung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì xét thấy không cần cách ly, cho hưởng án treo bị cáo T1 cũng có thể tự cải tạo trở thành người có ích cho xã

hội và việc cho hưởng án treo đối với bị cáo T1 cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: đối với tội *"Cướp giật tài sản"* hai bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 171 BLHS, nhưng xét thấy áp dụng hình phạt tù đối với hai bị cáo cũng đủ răn đe và bị cáo T1 chưa thành niên, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[10] Về tang vật: Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Long An tạm giữ và hoàn trả cho bị hại Nguyễn Tấn P 01 (một) điện thoại di động, hiệu Redmi 9 (4GB/64GB), màu xanh-tím, bị nứt kính màn hình, cùng sim số: 0386979363 do là tài sản hợp pháp của anh P, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Đối với 01 (một) xe môtô, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng-đen, biển số: 59N2- 240.81, đã qua sử dụng, là tài sản của ông Trần Minh T2 (cha bị cáo Trần Tấn T1), cho bị cáo T1 mượn sử dụng làm phương tiện đi lại, nhưng bị cáo T1 sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, ông T2 không biết. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị giao cho Công an huyện C tiếp tục xác minh làm rõ theo thẩm quyền, do ông T2 chưa cung cấp giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, theo Quyết định xử lý vật chứng số 123/QĐ-ĐTTH, ngày 04/02/2024 thể hiện Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe môtô cho ông T2, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Kiến nghị Công an huyện C xác minh xử lý theo thẩm quyền.

[11] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra gia đình bị cáo T1 và T đã tự nguyện sửa chữa điện thoại cho bị hại Nguyễn Tấn P. Tại phiên tòa, anh P trình bày là đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

[12] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Nhựt T và Trần Tấn T1 cùng phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Nhựt T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/12/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo T 45 ngày kể từ ngày tuyên án (28/02/2024) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Tấn T1 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2024).

Giao bị cáo Trần Tấn T1 về cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người đại diện theo pháp luật của người bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Cần Giuộc;
-CA huyện Cần Giuộc;
-THA huyện Cần Giuộc;
-Bị cáo;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Giuộc, ngày 28 tháng 02 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 45 phút, ngày 28 tháng 02 năm 2024.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Đoàn – Giáo viên hưu trí huyện Cần Giuộc

Ông Nguyễn Thanh An – Cán bộ hưu trí huyện Cần Giuộc

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/TLST-HS, ngày 15/02/2024 đối với bị cáo: Lê Nhựt Trường và Trần Tấn Tài

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Nhựt Trường và Trần Tấn Tài cùng phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Bị cáo Lê Nhựt Trường: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Tấn Tài: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Lê Nhựt Trường 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/12/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trường 45 ngày kể từ ngày tuyên án (28/02/2024) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Xử phạt: Trần Tấn Tài 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2024).

Giao bị cáo Trần Tấn Tài về cho Ủy ban nhân dân xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người đại diện theo pháp luật của người bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA**

TRẦN VĂN ĐOÀN – NGUYỄN THANH AN NGUYỄN ĐỨC BẢO